

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 38

JAAR
CÔ
ÁCH N
IỂM
VI
CHI
HÀ
GI

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Simco Sông Đà (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Simco Sông Đà (dưới đây được gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty CP Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà, được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Cung ứng nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo quyết định số 627/QĐ-BXD ngày 09/05/2003 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101401706 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21 tháng 07 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26 tháng 05 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Sĩ Hiển	(i) Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm lại ngày 24/5/2019)
Bà Nguyễn Thị Hồng Ngọc	(i) Phó chủ tịch thường trực
Ông Nguyễn Thiện Mỹ	Thành viên (Miễn nhiệm kể từ ngày 24/5/2019)
Ông Nguyễn Ngọc Quyền	Thành viên (Bổ nhiệm lại ngày 24/5/2019)
Ông Đỗ Hoàng Hải	Thành viên (Bổ nhiệm lại ngày 24/5/2019)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên (Bổ nhiệm kể từ ngày 24/5/2019)

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Hường	(ii) Trưởng ban kiểm soát (Bổ nhiệm lại ngày 24/5/2019)
Ông Vũ Tuyên Hoàng	Thành viên (Miễn nhiệm kể từ ngày 24/5/2019)
Bà Vũ Thị Hương Quỳnh	Thành viên (Miễn nhiệm kể từ ngày 24/5/2019)
Bà Trần Thị Thúy	Thành viên (Bổ nhiệm kể từ ngày 24/5/2019)
Bà Nguyễn Thị Thương	Thành viên (Bổ nhiệm kể từ ngày 24/5/2019)

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được bầu cho nhiệm kỳ 2019-2024 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/5/2019 của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

(i) Ông Nguyễn Sĩ Hiển được bầu là Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Bà Nguyễn Thị Hồng Ngọc được bầu là Phó chủ tịch thường trực Hội đồng Quản trị cho nhiệm kỳ 2019-2024 theo Nghị quyết số 17/SIMCO-HĐQT ngày 24/5/2019 của Hội đồng quản trị Công ty.

(ii) Bà Nguyễn Thị Hường được bầu giữ chức vụ Trưởng ban kiểm soát của Công ty nhiệm kỳ 2019-2024 theo Biên bản họp số 01/2019/BB-BKS ngày 28/5/2019.

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Ngọc Quyền	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Minh Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Thạch	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thiện Mỹ	(iii) Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 01/09/2019)

(iii) Ông Nguyễn Thiện Mỹ thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/09/2019 theo Quyết định số 23/SIMCO-HĐQT ngày 29/8/2019 của Hội đồng quản trị Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Nguyễn Ngọc Quyền - Tổng Giám đốc.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính

Thực hiện Nghị quyết số 25/SIMCO-HĐQT ngày 02/12/2019 của Hội đồng Quản trị về việc thoái vốn đầu tư của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tại Công ty Cổ phần Hạ tầng Simco Sông Đà (Nay đổi tên là Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển SCO). Ngày 16/12/2019, Tập đoàn đã hoàn tất việc chuyển nhượng 119.000.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Hạ tầng Simco Sông Đà và Công ty Cổ phần Hạ tầng Simco Sông Đà không còn là Công ty con của Tập đoàn. Tại thời điểm 31/12/2019, tỷ lệ sở hữu Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tại công ty này là 19,09% tương đương 28.000.000.000 đồng.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

6. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

8. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Ban Tổng giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông NGUYỄN NGỌC QUYÊN

Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2020

Số: 018/2020/BCKT-HT.00019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Simco Sông Đà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2020, từ trang 6 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



NGUYỄN TRUNG THÀNH

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1673-2018-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
CHI NHÁNH HÀ THÀNH**

Thành phố Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2020

NGUYỄN THỊ THANH MINH

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0068-2018-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	31/12/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		31.816.980.344	77.868.516.420
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	710.825.113	2.535.748.315
1. Tiền	111		710.825.113	2.535.748.315
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2a	5.600.000.000	5.600.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.600.000.000	5.600.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.148.891.979	68.831.203.868
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	20.069.345.795	20.560.947.749
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	1.895.150.616	2.255.650.616
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	5.328.330.196	5.328.330.196
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	15.025.289.629	54.416.254.742
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(17.169.224.257)	(13.729.979.435)
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	127.083.858	80.827.405
1. Hàng tồn kho	141		212.810.208	166.553.755
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(85.726.350)	(85.726.350)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		230.179.394	820.736.832
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.13	71.778.018	70.139.738
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		156.472.373	750.597.094
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.16	1.929.003	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		320.329.149.378	290.996.904.508
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.764.123.000	1.764.123.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	1.764.123.000	1.764.123.000
II. Tài sản cố định	220		33.897.395.818	35.849.938.544
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	33.897.395.818	35.849.938.544
- Nguyên giá	222		56.851.727.489	56.851.727.489
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.954.331.671)	(21.001.788.945)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	-	-
- Nguyên giá	228		244.160.000	244.160.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(244.160.000)	(244.160.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.12	3.979.118.256	4.131.165.820
- Nguyên giá	231		5.321.664.830	5.321.664.830
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.342.546.574)	(1.190.499.010)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.9	75.902.112.441	78.216.133.092
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		75.902.112.441	75.902.112.441
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	2.314.020.651
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2b	203.694.755.408	170.226.448.193
1. Đầu tư vào công ty con	251		101.762.011.818	248.762.011.818
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		112.750.000.000	26.870.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		34.400.000.000	17.400.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(45.217.256.410)	(122.805.563.625)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.091.644.455	809.095.859
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	1.091.644.455	809.095.859
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		352.146.129.722	368.865.420.928

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	31/12/2019
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		114.579.850.132	105.846.709.197
I. Nợ ngắn hạn	310		38.229.623.996	36.541.559.901
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	8.929.839.583	8.929.580.870
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	110.832.166	110.832.166
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	8.719.500	17.962.205
4. Phải trả người lao động	314		1.857.054.226	1.925.090.668
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	2.391.617.060	223.599.269
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.19	625.509.250	457.857.349
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	21.810.863.339	22.382.370.502
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	2.494.582.300	2.493.660.300
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		606.572	606.572
II. Nợ dài hạn	330		76.350.226.136	69.305.149.296
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.19	11.198.172.839	4.081.081.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	65.152.053.297	65.224.068.296
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		237.566.279.590	263.018.711.731
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.21	237.566.279.590	263.018.711.731
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		262.061.580.000	262.061.580.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		262.061.580.000	262.061.580.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(1.682.000)	(1.682.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.231.903.807	1.231.903.807
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(25.725.522.217)	(273.090.076)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(318.544.621)	12.553.368.999
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(25.406.977.596)	(12.826.459.075)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		352.146.129.722	368.865.420.928

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



MAI THÙY LINH

PHẠM THỊ HIẾU

NGUYỄN NGỌC QUYỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà Simco Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	38.881.629.913	42.380.069.578
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	365.478.379	159.182.772
3 Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp	10		38.516.151.534	42.220.886.806
4 Giá vốn hàng bán	11	6.3	33.968.228.024	27.121.320.521
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch	20		4.547.923.510	15.099.566.285
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	528.401.924	589.849.266
7 Chi phí tài chính	22	6.5	15.184.933.106	14.440.258.079
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		151.472.312	204.128.198
9 Chi phí bán hàng	25		-	-
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	12.646.755.663	14.056.205.929
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(22.755.363.335)	(12.807.048.457)
12 Thu nhập khác	31	6.7	86.188.450	9.692.769
13 Chi phí khác	32	6.8	2.737.802.711	21.837.379
14 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(2.651.614.261)	(12.144.610)
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(25.406.977.596)	(12.819.193.067)
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	-	7.266.008
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(25.406.977.596)	(12.826.459.075)

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



MAI THÙY LINH

PHẠM THỊ HIẾU

NGUYỄN NGỌC QUYỀN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		104.823.490.580	41.329.782.003
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(84.780.758.837)	(15.938.159.029)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(15.195.659.690)	(11.061.650.111)
Tiền lãi vay đã trả	04		(165.182.855)	(202.962.083)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(7.266.008)	(224.720.040)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		34.337.801.064	36.478.855.333
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(31.593.927.563)	(41.254.071.209)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.418.496.691	9.127.074.864
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(5.600.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		-	350.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(74.880.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		65.450.000.000	83.193.845
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		146.308.961	434.809.717
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.283.691.039)	(4.731.996.438)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		4.836.569.200	6.445.780.700
Tiền trả nợ gốc vay	34		(4.835.647.100)	(9.147.271.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		922.100	(2.701.490.400)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		(1.864.272.248)	1.693.588.026
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		2.535.748.315	800.475.607
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		39.349.046	41.684.682
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	5.1	710.825.113	2.535.748.315

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



MAI THÙY LINH

PHẠM THỊ HIẾU

NGUYỄN NGỌC QUYÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Simco Sông Đà (dưới đây được gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà, được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Cung ứng nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo quyết định số 627/QĐ-BXD ngày 09/05/2003 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101401706 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21 tháng 07 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26 tháng 05 năm 2016.

Vốn điều lệ của Công ty là: **262.061.580.000 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi hai tỷ, không trăm sáu mươi một triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng). Tổng số cổ phần là 26.206.158 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là SDA.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong năm, bao gồm:

- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc công ty

Công ty có trụ sở tại: Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Và các chi nhánh sau:

Tên Chi nhánh

Ban Quản lý dự án Hà Tĩnh

Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ
Kinh tế SIMCO Sông Đà

Địa chỉ

Số nhà 16, đường Nguyễn Hằng Chi, P.
Trần Phú, TP. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

Xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, TP. Hà Nội

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 01 công ty con sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần hữu hạn Myanmar Simco Sông Đà	Quận Kamayut, khu Yangon, Myanmar	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 03 công ty liên kết sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ góp vốn của Công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	35,83%	35,83%	35,83%
Công ty CP Rượu Việt Nam Thụy Điển	Huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	42,80%	42,80%	42,80%
Công ty Cổ phần Khoáng sản Simco – Fansipan	Khu công nghiệp phía nam, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam	49,09%	49,09%	49,09%

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Số lượng nhân viên

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng số nhân viên của Công ty là 108 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 111 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/5/2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 31/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/5/2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 31/03/2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của văn phòng Công ty và chi nhánh. Các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Người sử dụng Báo cáo tài chính này nên đọc kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

b. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo khế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản cho vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

c. Đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

d. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

e. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.7 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 35 năm
▪ Máy móc, thiết bị	05 – 10 năm
▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08 năm
▪ Thiết bị quản lý	03 năm
▪ Tài sản cố định khác	08 năm

4.9 Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được ghi nhận theo giá mua mà phần mềm máy tính này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan, được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

4.10 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến của Ban Tổng Giám đốc.

Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản nắm giữ để cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	35 năm
--------------------------	--------

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.11 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

4.12 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") là thỏa thuận của hai hay nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

Công ty tham gia BCC theo thỏa thuận chia lợi nhuận phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của BCC.

Nguyên tắc phân chia doanh thu, chi phí, sản phẩm của BCC

- Sau khi thực hiện các nghĩa vụ thuế và tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty được thành lập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh sẽ dùng một tỷ lệ xác định trong lợi nhuận ròng để trích lập các quỹ theo quyết định của các bên;
- Tương ứng với tỷ lệ vốn góp của các bên, lợi nhuận còn lại sẽ được phân chia cho các bên theo tỷ lệ góp vốn, đồng thời các bên chịu mọi rủi ro của Công ty trong quá trình kinh doanh theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên;
- Việc lập các quỹ, phân chia lợi nhuận chỉ được thực hiện khi Công ty được thành lập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh có lãi và việc xác định kết quả kinh doanh được tính theo năm tài chính của Công ty đó.

4.13 Các khoản nợ phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.14 Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản tiền vay được phản ánh theo giá gốc, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn của từng khoản vay. Các khoản vay có thời hạn trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay dài hạn. Các khoản vay có thời hạn trả nợ trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay ngắn hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.15 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

4.16 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản. Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

4.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.18 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông quyết định và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.19 Doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính trong năm là lãi tiền gửi và cổ tức được chia từ hoạt động đầu tư.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

4.20 Giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của dịch vụ cung cấp trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4.21 Chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.22 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

4.23 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Hiện tại, Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

4.14 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các bên sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Mối Quan hệ
Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - Simco Sông Đà	Công ty con
Công ty CP Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết
Công ty CP Khoáng sản SIMCO - FANSIPAN	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát	Quản lý chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tồn quỹ	242.358.834	561.818.509
Tiền gửi ngân hàng	468.466.279	1.973.929.806
Cộng	710.825.113	2.535.748.315

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn	5.600.000.000	5.600.000.000	5.600.000.000	5.600.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	5.600.000.000	5.600.000.000	5.600.000.000	5.600.000.000
Cộng	5.600.000.000	5.600.000.000	5.600.000.000	5.600.000.000

(*) Tiền gửi có kỳ hạn tại 31/12/2019 là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.***b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm					Số đầu năm				
	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
			VND	VND	VND			VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con			101.762.011.818	-				248.762.011.818	(92.258.823.939)	
Công ty cổ phần hữu hạn Myanmar-SIMCO Sông Đà (i)	100%	100%	101.762.011.818	-	(*)	100%	100%	101.762.011.818	(86.330.121.624)	(*)
Công ty cổ phần Hạ tầng SIMCO Sông Đà (ii)	-	-	-	-	(*)	98%	98%	147.000.000.000	(5.928.702.315)	(*)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			112.750.000.000	(27.576.276.168)				26.870.000.000	(26.246.739.686)	
Công ty CP Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	35,83%	35,83%	2.900.000.000	(2.266.397.304)	(*)	35,83%	35,83%	2.900.000.000	(2.276.739.686)	(*)
Công ty cổ phần rượu Việt Nam - Thụy Điển	42,8%	42,8%	23.970.000.000	(23.970.000.000)	(*)	42,8%	42,8%	23.970.000.000	(23.970.000.000)	(*)
Công ty cổ phần khoáng sản SIMCO - FANSIPAN	49,09%	49,09%	85.880.000.000	(1.339.878.864)		-	-	-	-	(*)
Đầu tư vào đơn vị khác			34.400.000.000	(17.640.980.242)				17.400.000.000	(4.300.000.000)	
Công ty cổ phần Cao su Phú Riềng – Kratie	-	-	3.300.000.000	(3.300.000.000)	(*)	-	-	3.300.000.000	(3.300.000.000)	(*)
Công ty CP Đầu Tư Vĩnh Sơn	1,10%	1,10%	2.100.000.000	-	(*)	1,10%	1,10%	2.100.000.000	-	(*)
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển khu Kinh tế Hải Hà	0,02%	0,02%	1.000.000.000	(1.000.000.000)	(*)	0,02%	0,02%	1.000.000.000	(1.000.000.000)	(*)
Công ty CP Đầu tư phát triển SCO	19,05%	19,05%	28.000.000.000	(13.340.980.242)	(*)	-	-	-	-	(*)
Công ty cổ phần khoáng sản SIMCO - FANSIPAN	-	-	-	-		21,31%	18,33%	11.000.000.000	-	(*)
Tổng cộng			248.912.011.818	(45.217.256.410)	-			293.032.011.818	(122.805.563.625)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

- (*) Tại ngày lập báo cáo tài chính năm, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư trên để thuyết minh trong báo cáo tài chính, bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (i) Thông tin về khoản đầu tư vào Công ty CP hữu hạn Myanmar-SIMCO Sông Đà (là công ty con):
- Khoản đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 335/BKHĐT-ĐTRNN-ĐC2 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 02 tháng 03 năm 2015 cho phép Công ty CP Simco Sông Đà thành lập Công ty cổ phần hữu hạn Myanmar - SIMCO Sông Đà hoạt động tại Myanmar.
 - Tổng vốn đầu tư của dự án tại nước ngoài, đồng thời là vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam là 18.147.000 Đô la Mỹ, tương đương 381.087.000.000 đồng. Trong đó:
 - +> Vốn đầu tư bằng nguồn tự có của nhà đầu tư là 6.000.000 Đô la Mỹ, tương đương 126.000.000.000 đồng.
 - +> Vốn đầu tư bằng nguồn vốn vay là 12.147.000 Đô la Mỹ, tương đương 225.087.000.000 đồng.
 - Tại ngày 31/12/2019, Công ty đã đầu tư 101.762.011.818 đồng, trong đó:
 - +> Phần vốn góp của Công ty là 53.354.729.885 đồng;
 - +> Phần vốn góp nhận ủy thác đầu tư là 48.407.281.933 đồng.Số vốn còn phải đầu tư là 279.324.988.182 đồng.
 - Ngày 25 tháng 04 năm 2017, Công ty CP Simco Sông Đà đã ủy quyền cho Công ty CP Xuất nhập khẩu Việt Trang (Viettranimex) tiếp nhận toàn bộ kế hoạch và triển khai tiếp Dự án khai thác mỏ đá Marble tại Myanmar. Công ty CP Xuất nhập khẩu Việt Trang sẽ tiếp nhận toàn bộ tài sản, trang thiết bị, cơ sở vật chất, sổ sách tài liệu nguyên trạng mỏ đá, số lượng đá đã khai thác và có trách nhiệm quản lý vận hành và hoạt động sản xuất - kinh doanh đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.
- (ii) Công ty thoái vốn tại Công ty Cổ phần hạ tầng SIMCO - Sông Đà (Nay đổi tên là Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển SCO) theo Nghị quyết số 25/SIMCO-HĐQT ngày 2/12/2019 của Hội đồng Quản trị Công ty. Chi tiết khoản thoái vốn như sau:

Chỉ tiêu	Giá trị
Khối lượng cổ phần chuyển nhượng	11.900.000
Giá gốc khoản đầu tư	10.000
Giá trị gốc khoản đầu tư	119.000.000.000
Giá trị trích lập dự phòng đến thời điểm chuyển nhượng	(7.054.898.161)
Giá chuyển nhượng	5.500
Giá trị chuyển nhượng	65.450.000.000
Chênh lệch lỗ từ hoạt động chuyển nhượng	(44.835.125.801)

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.***5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty cổ phần Tự động hóa và CNTT Sông Đà	519.940.048	376.330.346
Công ty cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	1.976.354.222	1.976.354.222
Phải thu của các tổ chức và cá nhân khác		
Lê Tuấn Việt	16.023.000.000	16.023.000.000
Công ty cổ phần May Xuất khẩu Sông Đà	310.000.000	310.000.000
Công ty Cổ phần Sao Thái Dương	-	618.482.556
Các khách hàng khác	1.240.051.525	1.256.780.625
Cộng	20.069.345.795	20.560.947.749

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty CP XD nhà ở Hải Phòng	1.149.566.562	1.149.566.562
Công ty CP Thiết bị Công trình Hoàng Anh	560.000.000	560.000.000
Các tổ chức, cá nhân khác	185.484.054	546.084.054
Cộng	1.895.150.616	2.255.650.616

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.5 Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn**Ngắn hạn**

Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển

Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển SCO

Cộng**Số cuối năm**

Giá trị VND Dự phòng VND

5.006.330.196 (5.006.330.196)

322.000.000 -

5.328.330.196 (5.006.330.196)

Số đầu năm

Giá trị VND Dự phòng VND

5.006.330.196 (5.006.330.196)

322.000.000 -

5.328.330.196 (5.006.330.196)

5.6 Các khoản phải thu khác**Ngắn hạn**

Tạm ứng

Chi hộ tiền vé máy bay

Phải thu Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar Simco Sông Đà

Lỗ hợp tác kinh doanh của các bên góp vốn liên doanh

+ Công ty CP Đầu tư HaFa

+ Công ty CP Phát triển nhân lực Simco Sông Đà

+ Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Hoàng Liên Sơn

+ Công ty Cổ phần Xuất nhập Khẩu Việt Trang

+ Cán bộ công nhân viên

Phải thu khác

+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bắc Hà

+ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tona

+ Công ty CP Đầu tư phát triển SCO

+ Công ty CP Khoáng sản Simco Fansipan

+ Đối tượng khác

Cộng**Dài hạn**

Ký quỹ, ký cược dài hạn

Cộng**Số cuối năm**

Giá trị VND Dự phòng VND

3.827.265.850 -

527.998.736 -

468.176.029 -

7.256.671.475 -

619.534.421 -

887.137.054 -

- -

- -

5.750.000.000 -

2.948.451.269 (960.746.452)

550.000.000 (550.000.000)

500.000.000 -

15.000.000 -

15.000.000 -

1.865.177.539 (410.746.452)

15.025.289.629 (960.746.452)

1.764.123.000 -

1.764.123.000 -

Số đầu năm

Giá trị VND Dự phòng VND

4.053.503.850 -

1.951.569.937 -

468.176.029 -

44.986.838.079 -

98.705.566 -

86.380.604 -

17.087.130.607 -

21.964.621.302 -

5.750.000.000 -

2.956.166.847 (960.746.452)

550.000.000 (550.000.000)

500.000.000 -

15.000.000 -

15.000.000 -

1.876.166.847 (410.746.452)

54.416.254.742 (960.746.452)

1.764.123.000 -

1.764.123.000 -

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.***5.7 Nợ xấu**

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	> 3 năm	6.982.684.418	-	(6.982.684.418)	> 3 năm	6.982.684.418	-	(6.982.684.418)
- Phải thu cho vay	> 3 năm	5.006.330.196	-	(5.006.330.196)	> 3 năm	5.006.330.196	-	(5.006.330.196)
- Phải thu khác	> 3 năm	1.976.354.222	-	(1.976.354.222)	> 3 năm	1.976.354.222	-	(1.976.354.222)
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bắc Hà	> 3 năm	550.000.000	-	(550.000.000)	> 3 năm	550.000.000	-	(550.000.000)
Công ty CP Hoàng Anh	> 3 năm	560.000.000	-	(560.000.000)	> 3 năm	560.000.000	-	(560.000.000)
Công ty CP Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Dưới 2 năm	519.940.048	285.295.226	(234.644.822)		-	-	-
	Từ 1 năm đến 2 năm	16.023.000.000	8.011.500.000	(8.011.500.000)		16.023.000.000	11.216.100.000	(4.806.900.000)
Ông Lê Tuấn Việt								
Các khoản phải thu khác	> 3 năm	830.395.017	-	(830.395.017)	> 3 năm	830.395.017	-	(830.395.017)
Tổng cộng		25.466.019.483	8.296.795.226	(17.169.224.257)		24.946.079.435	11.216.100.000	(13.729.979.435)

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.***5.8 Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	71.074.151	-	24.817.698	-
Công cụ, dụng cụ	8.113.343	-	8.113.343	-
Chi phí SXKD dở dang	133.622.714	(85.726.350)	133.622.714	(85.726.350)
Cộng	212.810.208	(85.726.350)	166.553.755	(85.726.350)

5.9 Tài sản dở dang dài hạn**a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Dự án tòa nhà Simco Tower	75.902.112.441	75.902.112.441	75.902.112.441	75.902.112.441
Cộng	75.902.112.441	75.902.112.441	75.902.112.441	75.902.112.441

Dự án tòa nhà Simco Tower được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt chủ trương triển khai tại khu nhà hỗn hợp HH - Khu đô thị mới Cầu Bươu - Thanh Trì - Hà Nội có tổng mức đầu tư là 351.780.000.000 đồng căn cứ Quyết định số 278/2011/HĐQT ngày 08/02/2011 của Hội đồng quản trị với phương án thi công 12 tầng và 01 tầng hầm và có kết cấu móng nhà được tính cho công trình 21 tầng. Tại thời điểm 31/12/2019 giá trị dở dang là chi phí mua đất và các chi phí liên quan đến việc mua đất. Công ty đang xây dựng phương án triển khai và điều chỉnh quy hoạch. Dự án sẽ được triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt phương án điều chỉnh và Công ty thu xếp được vốn đầu tư.

b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án Đầu tư xây dựng Khu CN Phụng Hiệp	-	2.314.020.651
Cộng	-	2.314.020.651

Dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Phụng Hiệp đã chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư theo Quyết định số 99/QĐ-BQL ngày 28/08/2019 của Ban Quản lý các khu Công nghiệp và Chế xuất Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	53.804.953.575	1.459.885.727	1.057.323.636	223.738.551	305.826.000	56.851.727.489
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS Đầu tư	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	53.804.953.575	1.459.885.727	1.057.323.636	223.738.551	305.826.000	56.851.727.489
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	18.592.817.016	1.459.213.317	455.236.581	223.738.551	270.783.480	21.001.788.945
Khấu hao trong năm	1.740.607.184	672.410	176.220.612	-	35.042.520	1.952.542.726
Chuyển sang BĐS Đầu tư	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	20.333.424.200	1.459.885.727	631.457.193	223.738.551	305.826.000	22.954.331.671
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	35.212.136.559	672.410	602.087.055	-	35.042.520	35.849.938.544
Tại ngày cuối năm	33.471.529.375	-	425.866.443	-	-	33.897.395.818

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 25.763.123.156 đồng
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.989.450.278 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.***5.11 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	244.160.000	244.160.000
Tăng trong năm	-	-
Số dư cuối năm	<u>244.160.000</u>	<u>244.160.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	244.160.000	244.160.000
Khấu hao trong năm	-	-
Số dư cuối năm	<u>244.160.000</u>	<u>244.160.000</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>

5.12 Bất động sản đầu tư**Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Số đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Số cuối năm VND
Nguyên giá	5.321.664.830	-	-	5.321.664.830
Nhà	5.321.664.830	-	-	5.321.664.830
Giá trị HMLK	1.190.499.010	152.047.564	-	1.342.546.574
Nhà	1.190.499.010	152.047.564	-	1.342.546.574
Giá trị còn lại	4.131.165.820	-	152.047.564	3.979.118.256
Nhà	4.131.165.820	-	152.047.564	3.979.118.256

Giá trị còn lại cuối năm của bất động sản đầu tư đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 3.979.118.256 đồng

5.13 Chi phí trả trước

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ	46.947.815	54.986.228
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	24.830.203	15.153.510
Cộng	<u>71.778.018</u>	<u>70.139.738</u>
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa cải tạo	217.113.331	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	383.912.434	361.975.042
Thuế GTGT không được khấu trừ	430.861.949	447.120.817
Chi phí trả trước dài hạn khác	59.756.741	-
Cộng	<u>1.091.644.455</u>	<u>809.095.859</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.***5.14 Phải trả người bán**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn				
Công ty CP XD nhà ở Hải Phòng	1.281.972.819	1.281.972.819	1.281.972.819	1.281.972.819
Xí nghiệp XD Thành Công	1.108.904.513	1.108.904.513	1.108.904.513	1.108.904.513
Công ty TNHH Hải Ngọc	1.112.167.150	1.112.167.150	1.112.167.150	1.112.167.150
Công ty CP Xây Lắp và TM Hợp Lực	649.014.603	649.014.603	649.014.603	649.014.603
Đối tượng khác	4.777.780.498	4.777.780.498	4.777.521.785	4.777.521.785
Cộng	8.929.839.583	8.929.839.583	8.929.580.870	8.929.580.870

5.15 Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các tổ chức và cá nhân khác		
Nhận ứng trước tiền thi công xây lắp của UBND thành phố Hà Tĩnh	110.382.166	110.382.166
Công ty Việt Nhật	450.000	450.000
Cộng	110.832.166	110.832.166

5.16 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	5.337.005	-	7.266.008	1.929.003	-
Thuế Thu nhập cá nhân	12.625.200	143.335.630	147.241.330	-	8.719.500
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	29.402.912	29.402.912	-	-
Cộng	17.962.205	172.738.542	183.910.250	1.929.003	8.719.500

5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí lãi vay	34.990.690	31.119.233
Tiền ăn ca	14.525.000	69.350.000
Phí dịch vụ tư vấn	-	110.000.000
Chi phí xuất khẩu lao động	2.223.547.979	-
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	118.553.391	13.130.036
Cộng	2.391.617.060	223.599.269

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.***5.18 Phải trả khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	192.939.162	232.482.804
Bảo hiểm xã hội	-	148.620.988
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.455.000	10.455.000
Cổ tức năm 2011 và năm 2013	17.034.235.140	17.034.235.140
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.576.507.767	4.956.576.570
+ Nhận đặt cọc hoàn thiện DA nhà Vạn Phúc	715.000.000	690.000.000
+ Phải trả hoạt động xuất khẩu lao động	604.700.294	531.835.681
+ Quỹ hỗ trợ xuất khẩu lao động	-	499.431.994
+ Quỹ tự nguyện cán bộ CNV	-	484.803.990
+ Công ty CP Khoáng sản Simco - Fansipan	722.635.000	722.635.000
+ Đối tượng khác	2.530.898.743	2.027.869.905
Cộng	21.810.863.339	22.382.370.502
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	844.771.364	936.222.363
Phải trả về vốn hợp tác kinh doanh	64.307.281.933	64.287.845.933
+ Công ty CP Thương mại XNK Hoàng Liên Sơn (1)	21.180.651.528	21.180.651.528
+ Công ty Cổ phần Xuất nhập Khẩu Việt Trang (1)	27.226.630.405	27.226.630.405
+ Công ty CP Đầu tư HaFa (2)	4.000.000.000	4.000.000.000
+ Công ty CP Phát triển nhân lực Simco Sông Đà (2)	6.150.000.000	6.130.564.000
+ Vốn góp hợp tác của cán bộ CNV (3)	5.750.000.000	5.750.000.000
Cộng	65.152.053.297	65.224.068.296
Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
Cổ tức năm 2011 và năm 2013 (4)	17.034.235.140	17.034.235.140
Cộng	17.034.235.140	17.034.235.140

(1) Phải trả về nhận vốn góp hợp tác kinh doanh vào Công ty cổ phần hữu hạn Myanmar Simco Sông Đà (công ty con):

- Các bên tham gia hợp tác đầu tư bao gồm: Công ty Cổ phần Simco Sông Đà, Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Hoàng Liên Sơn và Công ty Cổ phần Xuất nhập Khẩu Việt Trang.
- Các bên tham gia hợp tác kinh doanh đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư và cùng nhau góp vốn thực hiện dự án đầu tư khai thác và chế biến đá Marble - mỏ Nayputaung - Bang Rakhine - Myanmar ("Dự án"). Theo đó, các bên sẽ cùng nhau điều hành, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro, nếu có của hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar Simco Sông Đà (Công ty cổ phần hữu hạn được thành lập để thực hiện Dự án khai thác đá Marble tại Myanmar).
- Kết quả từ hợp đồng hợp tác đầu tư được theo dõi bởi Công ty cổ phần Simco Sông Đà và phân bổ kết quả hoạt động hợp tác kinh doanh cho các bên tham gia hợp tác như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Vốn góp hợp tác kinh doanh	48.407.281.933	48.407.281.933
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	-	(39.051.751.909)

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

- (2) Phải trả về nhận vốn góp hợp tác kinh doanh vào Trường Cao đẳng nghề Simco Sông Đà (đơn vị trực thuộc của Công ty cổ phần Simco Sông Đà):

- Các bên tham gia hợp tác liên danh bao gồm: Công ty cổ phần Simco Sông Đà, Công ty cổ phần đầu tư HaFa và Công ty cổ phần Phát triển Nhân lực Simco Sông Đà.
- Các bên tham gia đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1403/HĐHTĐ ngày 14/03/2017 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 28/11/2018 cùng thực hiện hoạt động đầu tư góp vốn vào Trường Cao đẳng nghề Simco Sông Đà (đơn vị trực thuộc của Công ty cổ phần Simco Sông Đà). Theo đó, các bên sẽ cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro, nếu có của hoạt động kinh doanh của Trường cao đẳng nghề Simco Sông Đà.
- Kết quả từ hợp đồng hợp tác đầu tư được theo dõi bởi Công ty cổ phần Simco Sông Đà và phân bổ kết quả hoạt động hợp tác kinh doanh cho các bên tham gia hợp tác như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.210.978.374	2.019.937.072
Giá vốn hàng bán	1.108.016.255	909.214.375
Doanh thu hoạt động tài chính	163.922	157.944
Chi phí tài chính	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.424.711.346	1.135.181.187
Thu nhập khác	-	-
Chi phí khác	-	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.321.585.305)	(24.300.546)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(1.321.585.305)	(24.300.546)

- (3) Phải trả về nhận vốn góp hợp tác kinh doanh vào Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển (Công ty liên kết của Công ty cổ phần Simco Sông Đà):

- Các bên tham gia hợp tác liên danh bao gồm: Công ty cổ phần Simco Sông Đà và các cán bộ công nhân viên của Công ty.
- Các bên tham gia đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh cùng thực hiện hoạt động đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển (Công ty liên kết của Công ty cổ phần Simco Sông Đà). Theo đó, các bên sẽ cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro, nếu có của hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển.
- Kết quả từ hợp đồng hợp tác đầu tư được theo dõi bởi Công ty cổ phần Simco Sông Đà và phân bổ kết quả hoạt động hợp tác kinh doanh cho các bên tham gia hợp tác như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Vốn góp hợp tác kinh doanh	5.750.000.000	5.750.000.000
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	(5.750.000.000)	(5.750.000.000)

- (4) Lý do chưa thanh toán nợ quá hạn: Do Công ty đã sử dụng nguồn tiền để thanh toán cổ tức năm 2011 và năm 2013 đầu tư vào dự án khai thác và chế biến đá marble tại Myanmar. Dự án đã hoàn thành đầu tư giai đoạn 1, nhưng gặp nhiều khó khăn về tiêu thụ hàng nên chưa thu hồi được vốn đầu tư giai đoạn 1. Công ty đang nỗ lực tìm kiếm đối tác nhận chuyển nhượng dự án để thu hồi vốn đầu tư nên chưa thu xếp được nguồn tiền để thanh toán cổ tức năm 2011 và năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.19 Doanh thu chưa thực hiện

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn		
Phí dịch vụ đào tạo	-	-
Doanh thu cho thuê văn phòng, cơ sở vật chất	625.509.250	457.857.349
Cộng	625.509.250	457.857.349
Dài hạn		
Doanh thu cho thuê văn phòng	11.198.172.839	4.081.081.000
Cộng	11.198.172.839	4.081.081.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.20 Vay và nợ thuê tài chính

		Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
		Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Phát sinh tăng VND	Phát sinh giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a)	Vay ngắn hạn						
	Vay ngắn hạn	2.245.052.900	2.245.052.900	4.836.569.200	4.587.039.800	2.494.582.300	2.494.582.300
	Ngân hàng BIDV–Chi nhánh Hà Tây	1.802.052.900	1.802.052.900	4.036.569.200	3.787.039.800	2.051.582.300	2.051.582.300
	Nguyễn Thị Minh Thu	-	-	800.000.000	800.000.000	-	-
	Nguyễn Thế Lâm	443.000.000	443.000.000	-	-	443.000.000	443.000.000
	Nợ dài hạn đến hạn trả	248.607.400	248.607.400	-	248.607.400	-	-
	Cộng	2.493.660.300	2.493.660.300	4.836.569.200	4.836.569.200	2.494.582.300	2.494.582.300

(1) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/178138/HĐTD ngày 30/6/2016; hạn mức tín dụng 3.500.000.000 đồng; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; lãi suất vay: được xác định theo từng lần nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng; tài sản đảm bảo tiền vay là tòa nhà SIMCO Sông Đà.

(2) Các hợp đồng vay cá nhân có thời hạn từ 06 tháng đến 01 năm với lãi suất từ 0%/năm – 4%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.21 Vốn chủ sở hữu (“CSH”)**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	262.061.580.000	(1.682.000)	1.231.903.807	12.742.004.189	276.033.805.996
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	(12.826.459.075)	(12.826.459.075)
Giảm khác	-	-	-	(188.635.190)	(188.635.190)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	262.061.580.000	(1.682.000)	1.231.903.807	(273.090.076)	263.018.711.731
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(25.406.977.596)	(25.406.977.596)
Giảm khác	-	-	-	(45.454.545)	(45.454.545)
Số dư cuối năm nay	262.061.580.000	(1.682.000)	1.231.903.807	(25.725.522.217)	237.566.279.590

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.***Chi tiết vốn góp của cổ đông**

Cổ đông	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %
Nguyễn Sĩ Hiền	6.467.220.000	2,47%	6.467.220.000	2,47%
Nguyễn Thị Minh Thu	4.863.000.000	1,86%	4.863.000.000	1,86%
Cổ đông khác	250.729.680.000	95,669%	250.729.680.000	95,669%
Cổ phiếu quỹ	1.680.000	0,001%	1.680.000	0,001%
Tổng cộng	262.061.580.000	100%	262.061.580.000	100%

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	262.061.580.000	262.061.580.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	262.061.580.000	262.061.580.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

c) Cổ Phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.206.158	26.206.158
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.206.158	26.206.158
- Cổ phiếu phổ thông	26.206.158	26.206.158
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	168	168
- Cổ phiếu phổ thông	168	168
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.205.990	26.205.990
- Cổ phiếu phổ thông	26.205.990	26.205.990
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

d) Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không phát sinh
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không phát sinh
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh

5.22 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt		
USD	97.00	97.00
JPY	719,543.00	719,543.00
MMK	645,200.00	645,200.00
Tiền gửi ngân hàng		
USD	1,142.44	453.80
JPY	344,519.00	6,499,954.00

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.***6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng		-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	38.881.629.913	42.380.069.578
+ Doanh thu xuất khẩu lao động	36.992.510.085	36.650.529.338
+ Doanh thu dịch vụ khác	1.889.119.828	5.729.540.240
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
Cộng	38.881.629.913	42.380.069.578

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hàng bán bị trả lại	365.478.379	159.182.772
Cộng	365.478.379	159.182.772

6.3 Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng bán		-
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	33.968.228.024	27.121.320.521
+ Giá vốn dịch vụ xuất khẩu lao động	33.774.389.151	24.461.521.572
+ Giá vốn dịch vụ khác	193.838.873	2.659.798.949
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	33.968.228.024	27.121.320.521

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, cho vay	489.052.878	548.164.584
Lãi chênh lệch tỷ giá	39.349.046	41.684.682
Cộng	528.401.924	589.849.266

6.5 Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	151.472.312	204.128.198
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	53.550.000.000	158.806.155
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	730.000	-
Hoàn nhập dự phòng giảm tổn thất đầu tư	(54.343.610.258)	(458.872.036)
Dự phòng tổn thất đầu tư	15.807.054.952	14.445.175.071
Chi phí tài chính khác	19.286.100	91.021.091
Cộng	15.184.933.106	14.440.258.079

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.***6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.674.799.315	6.580.838.659
Chi phí dự phòng	3.439.244.822	4.806.900.000
Các khoản chi phí QLDN khác	3.532.711.526	2.668.467.270
Cộng	12.646.755.663	14.056.205.929

6.7 Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Phạt vi phạm hợp đồng	68.293.793	9.692.769
Thu nhập khác	17.894.657	-
Cộng	86.188.450	9.692.769

6.8 Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản bị phạt	123.782.060	21.837.379
Chi phí dự án Phụng Hiệp đã dừng hoạt động	2.614.020.651	-
Cộng	2.737.802.711	21.837.379

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	7.266.008
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	7.266.008

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi cơ bản trên cổ phiếu", Công ty đồng thời lập cả báo cáo tài chính và báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên báo cáo tài chính hợp nhất, mà không trình bày trên Báo cáo tài chính.

6.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	183.875.771	442.523.311
Chi phí nhân công	18.781.787.971	18.034.438.735
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.104.590.290	2.041.455.131
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.267.269.357	12.916.194.754
Chi phí khác	13.431.050.474	3.312.557.306
Cộng	45.768.573.863	36.747.169.237

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.***7. CÁC THÔNG TIN KHÁC****7.1 Thông tin về các bên liên quan****Thông tin về các bên liên quan**

Công ty / đối tượng	Mối Quan hệ
Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - Simco Sông Đà	Công ty con
Công ty CP Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết
Công ty CP Khoáng sản SIMCO - FANSIPAN	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát	Quản lý chủ chốt

Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	1.678.354.200	1.944.480.400

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác

	Nội dung giao dịch	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Bà Nguyễn Thị Minh Thu	Vay ngắn hạn	800.000.000	630.000.000
Công ty CP Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Cho thuê văn phòng	265.098.740	267.363.789
Công ty cổ phần hữu hạn Myanmar - Simco Sông Đà	Trả hộ phí bảo lãnh hợp đồng cho BIDV	-	61.212.899

Số dư phải thu/ (phải trả) với các bên có liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		
Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy điển	1.976.354.222	1.976.354.222
Công ty CP Tự động hóa và Công nghệ TT Sông Đà	519.940.048	376.330.346
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy điển	5.006.330.196	5.006.330.196
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty CPHH Myanmar - Simco Sông Đà	468.176.029	468.176.029
Phải trả ngắn hạn khác		
Công ty CP Khoáng sản SIMCO - FANSIPAN	722.635.000	722.635.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu Đô thị mới Vạn Phúc, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

7.2 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

7.3 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính

Thực hiện Nghị quyết số 25/SIMCO-HĐQT ngày 02/12/2019 của Hội đồng Quản trị về việc thoái vốn đầu tư của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tại Công ty Cổ phần Hạ tầng Simco Sông Đà (Nay đổi tên là Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển SCO). Ngày 16/12/2019, Tập đoàn đã hoàn tất việc chuyển nhượng 119.000.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Hạ tầng Simco Sông Đà và Công ty Cổ phần Hạ tầng Simco Sông Đà không còn là Công ty con của Tập đoàn. Tại thời điểm 31/12/2019, tỷ lệ sở hữu Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tại công ty này là 19,09% tương đương 28.000.000.000 đồng.

7.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty.

7.5 Thông tin khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn với số tiền 6.412.643.652 đồng. Điều này chủ yếu đến từ việc Công ty phải trả cổ tức là 17.034.235.140 đồng Ban Tổng Giám đốc Công ty nhận thấy rằng không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà đã ra Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2019. Theo Điều 4 của Nghị quyết này, Đại hội đồng cổ đông đã ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định một số nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

MAI THÙY LINH
Người lập biểu

PHẠM THỊ HIẾU
Kế toán trưởng



NGUYỄN NGỌC QUYỀN
Tổng Giám đốc
TP. Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2020